

Họ và tên thí sinh: .....

Số báo danh:.....

Mã đề 009

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?

- A. Bắc Ninh.                      B. Phú Thọ.                      C. Vĩnh Phúc.                      D. Quảng Ninh.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có cao nguyên nào sau đây?

- A. Sín Chải.                      B. Kon Tum.                      C. Sơn La.                      D. Mộc Châu.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất phèn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.                      B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

- C. Đông Nam Bộ.                      D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 44:** Cấu trúc địa hình nước ta chạy theo hai hướng chính là

- A. hướng vòng cung và hướng đông bắc - tây nam.

- B. hướng vòng cung và đông nam - tây bắc.

- C. hướng tây nam - đông bắc và hướng vòng cung.

- D. hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có diện tích lưu vực lớn nhất ở phần lãnh thổ phía Nam của nước ta?

- A. Sông Mê Công.                      B. Sông Thu Bồn.                      C. Sông Đồng Nai.                      D. Sông Hồng.

**Câu 46:** Một trong những vấn đề mang tính toàn cầu mà nhân loại đang phải đối mặt là

- A. cạn kiệt nguồn nước ngọt.

- B. động đất và núi lửa.

- C. ô nhiễm môi trường.

- D. mất cân bằng giới tính.

**Câu 47:** Phát biểu nào sau đây không đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao.

- B. Công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.

- C. Lực lượng lao động có trình độ cao còn ít.

- D. Trình độ lao động đang được nâng cao.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22 kết hợp với trang 10, cho biết nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm trên sông nào dưới đây?

- A. Sông Mã.

- B. Sông Lô.

- C. Sông Hồng.

- D. Sông Đà.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước ta?

- A. Bà Rịa – Vũng Tàu, Cà Mau.

- B. An Giang, Đồng Tháp.

- C. Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu.

- D. Kiên Giang, An Giang.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào trong các đô thị sau có quy mô dân số trên 1 triệu người ở nước ta?

- A. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng.

- B. Hải Phòng, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh.

- C. Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

- D. Hà Nội, Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh.

**Câu 51:** Các nước Đông Nam Á chưa phát huy được hết lợi thế của biển để đánh bắt hải sản chủ yếu do

- A. phương tiện đánh bắt còn lạc hậu.

- B. các cơn bão nhiệt đới gây nhiều thiệt hại.

- C. môi trường biển một số vùng bị ô nhiễm.  
 D. công nghệ chế biến tại chỗ còn thô sơ.
- Câu 52:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là  
 A. rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh.  
 B. đới rừng cận nhiệt đới gió mùa.  
 C. đới rừng nhiệt đới gió mùa.  
 D. đới rừng cận xích đạo gió mùa.
- Câu 53:** Đảo lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á là  
 A. Xumatra                      B. Calimanta.                      C. Giava.                      D. Mindanao.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Hải Phòng **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?  
 A. Điện tử.                      B. Đóng tàu.                      C. Hóa chất.                      D. Cơ khí.
- Câu 55:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất khẩu của nước ta từ sau Đổi mới đến nay?  
 A. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản là các thị trường lớn.  
 B. Kim ngạch xuất khẩu luôn luôn cao hơn nhập khẩu.  
 C. Thị trường được mở rộng và đa dạng hóa.  
 D. Kim ngạch xuất khẩu nhìn chung tăng qua các năm.
- Câu 56:** Biểu hiện của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là  
 A. phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung.  
 B. tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng.  
 C. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành.  
 D. các vùng sản xuất chuyên canh được mở rộng.
- Câu 57:** Ở nước ta, thủy sản nuôi trồng đã vươn lên và vượt thủy sản khai thác cả về sản lượng và giá trị, nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu?  
 A. Những điều kiện để phát triển nuôi trồng đang có nhiều thuận lợi.  
 B. Chủ trương hạn chế khai thác để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.  
 C. Nuôi trồng tránh được những tác động tiêu cực của tự nhiên.  
 D. Hiệu quả kinh tế cao và tính chủ động trong sản xuất hàng hóa.
- Câu 58:** Đặc trưng quan trọng nhất của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở nước ta hiện nay là  
 A. tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt.  
 B. tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị rất cao.  
 C. quan tâm nhiều hơn đến thị trường tiêu thụ.  
 D. phân bố ở những nơi có nhiều thuận lợi nhất.
- Câu 59:** Trung Quốc phát triển những ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm, sứ, dệt may ở địa bàn nông thôn là do  
 A. phát huy thế mạnh nguồn lao động đông, dồi dào.  
 B. nguồn lao động có trình độ cao và thị trường tiêu thụ.  
 C. lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có.  
 D. tận dụng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
- Câu 60:** Đặc điểm chủ yếu nhất của nền nông nghiệp Nhật Bản?  
 A. Chú trọng áp dụng quy trình canh tác hiện đại.  
 B. Trình độ cơ giới hóa và tự động hóa rất cao.  
 C. Kỹ thuật thâm canh tiên tiến, năng suất cao.  
 D. Khai thác triệt để đất trồng ở vùng sườn núi dốc.
- Câu 61:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay?  
 A. Hàng loạt nhà máy điện có công suất lớn đang hoạt động.  
 B. Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp điện.  
 C. Trong cơ cấu sản lượng điện, nhiệt điện chiếm tỉ trọng lớn nhất.  
 D. Nhiên liệu cho sản xuất điện ở miền Trung là khí tự nhiên.
- Câu 62:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Hồng?  
 A. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.  
 B. Tài nguyên thiên nhiên rất phong phú, đa dạng.  
 C. Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.

D. Một số tài nguyên thiên nhiên bị xuống cấp.

**Câu 63:** Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta có cơ cấu đa dạng?

- A. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển.
- C. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.
- D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia.

**Câu 64:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nâng cao hiệu quả bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- B. Làm thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ.
- C. Tạo ra những thay đổi trong phân bố dân cư.
- D. Giúp đẩy mạnh sự giao lưu với các vùng khác.

**Câu 65:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với chế độ nhiệt của nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất ở vùng ven biển Trung Bộ.
- B. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam.
- C. Biên trình nhiệt của Nam Bộ có dạng hai cực đại và hai cực tiểu.
- D. Biên độ nhiệt có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam.

**Câu 66:** Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên đã đem lại ý nghĩa quan trọng nào sau đây về mặt kinh tế?

- A. Góp phần điều chỉnh sự phân bố dân cư và lao động trên địa bàn cả nước.
- B. Thu hút lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc.
- C. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất các loại nông sản.
- D. Góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, đảm bảo sự an toàn cân bằng sinh thái.

**Câu 67:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất về khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

- A. nhiều vịnh biển, cửa sông.
- B. vùng biển diện tích rộng.
- C. các ngư trường trọng điểm.
- D. nhiều bãi triều, đầm phá.

**Câu 68:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tài nguyên đất của Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Một vài loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc đất quá chặt, khó thoát nước.
- B. Đất phù sa ngọt phân bố thành dải dọc sông Tiền, sông Hậu.
- C. Đất phèn và đất mặn có diện tích lớn hơn đất phù sa ngọt.
- D. Đất bị xâm thực, xói mòn và bạc màu chiếm diện tích rộng.

**Câu 69:** Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Có nguồn nguyên liệu từ nông lâm nghiệp.
- B. Có điều kiện thuận lợi về kỹ thuật và vốn.
- C. Có một số khoáng sản trữ lượng lớn.
- D. Có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

**Câu 70:** Mục tiêu của ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định là vì

- A. các thế lực thù địch thường can thiệp, cạnh tranh giành ảnh hưởng.
- B. để nâng cao sức cạnh tranh của khu vực trên thị trường thế giới.
- C. nhằm thúc đẩy sự phát triển của các nước thành viên trong khu vực.
- D. các nước trong khu vực còn nhiều tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ.

**Câu 71:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng.
- B. Tỷ trọng rất nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.
- C. Tập trung dày đặc nhất ở ven biển miền Trung.
- D. Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.

**Câu 72:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động khai thác thế mạnh về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Sản lượng cá biển chiếm phần lớn sản lượng thủy sản của vùng.

- B. Việc nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh.
- C. Đánh bắt được nhiều loại cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích...
- D. Biển nhiều tôm, cá và các hải sản khác.

**Câu 73:** Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA,  
NĂM 2010 VÀ 2015**

(Đơn vị: tỷ đô la Mỹ)

Năm	Phi-lip-pin	Xin-ga-po	Thái Lan	Việt Nam
2010	199,6	236,4	340,9	116,3
2015	292,5	292,8	395,2	193,4

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia năm 2015 so với 2010?

- A. Thái Lan tăng nhiều nhất.
- B. Phi-lip-pin tăng chậm nhất.
- C. Việt Nam tăng nhanh nhất.
- D. Xin-ga-po tăng ít nhất.

**Câu 74:** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA  
GIAI ĐOẠN 1990 - 2014**

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2014
Tổng số	66017	71995	77631	82392	86947	90729
Nam	32203	35237	38165	40522	42993	44758
Nữ	33814	36758	39466	41870	43954	45971

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số trung bình phân theo giới tính của nước ta giai đoạn 1990 - 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Cột.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

**Câu 75:** Biện pháp quan trọng nhất để tránh mất nước của các hồ chứa ở Đông Nam Bộ là

- A. bảo vệ vốn rừng trên thượng lưu của các sông.
- B. phục hồi và phát triển nhanh rừng ngập mặn.
- C. bảo vệ nghiêm ngặt các khu dự trữ sinh quyển.
- D. xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia.

**Câu 76:** Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Tây Nguyên.

**Câu 77:** Nguồn lợi thủy sản ở nhiều nơi trong vùng Bắc Trung Bộ có nguy cơ giảm rõ rệt chủ yếu do

- A. không có các bãi cá, bãi tôm quy mô lớn.
- B. môi trường ven biển đang bị ô nhiễm.
- C. vùng biển thường xuyên xảy ra thiên tai.
- D. tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.

**Câu 78:** Cho bảng số liệu:

**SỐ KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ DU LỊCH CỦA NƯỚC TA**

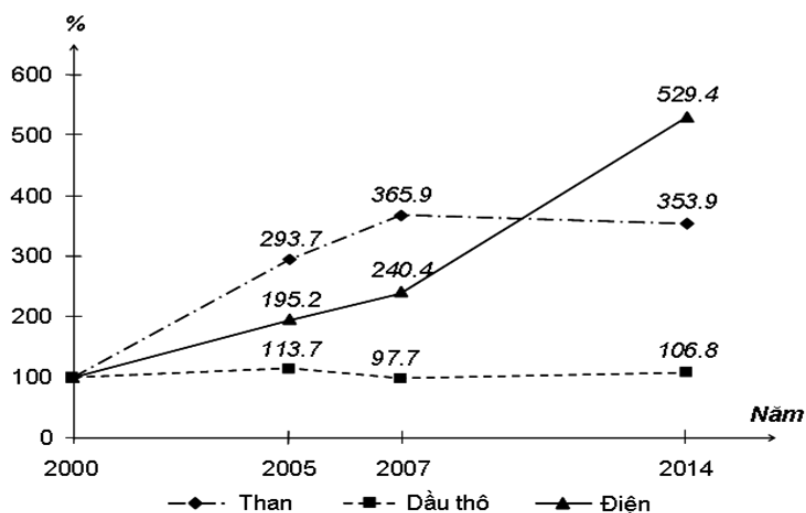
Năm	2000	2005	2010	2014
Khách nội địa (triệu lượt người)	11,2	16,0	63,3	99,2
Khách quốc tế (triệu lượt người)	2,1	3,5	5,0	8,0
Doanh thu (tỉ USD)	17,4	30,0	44,4	66,8

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển ngành du lịch nước ta?

- A. Khách nội địa tăng nhanh hơn khách quốc tế.
- B. Doanh thu du lịch thấp và ngày càng giảm.
- C. Khách quốc tế tăng rất nhanh và chiếm tỉ trọng thấp.
- D. Số lượng khách nội địa ít hơn khách quốc tế.

**Câu 79:** Cho biểu đồ:

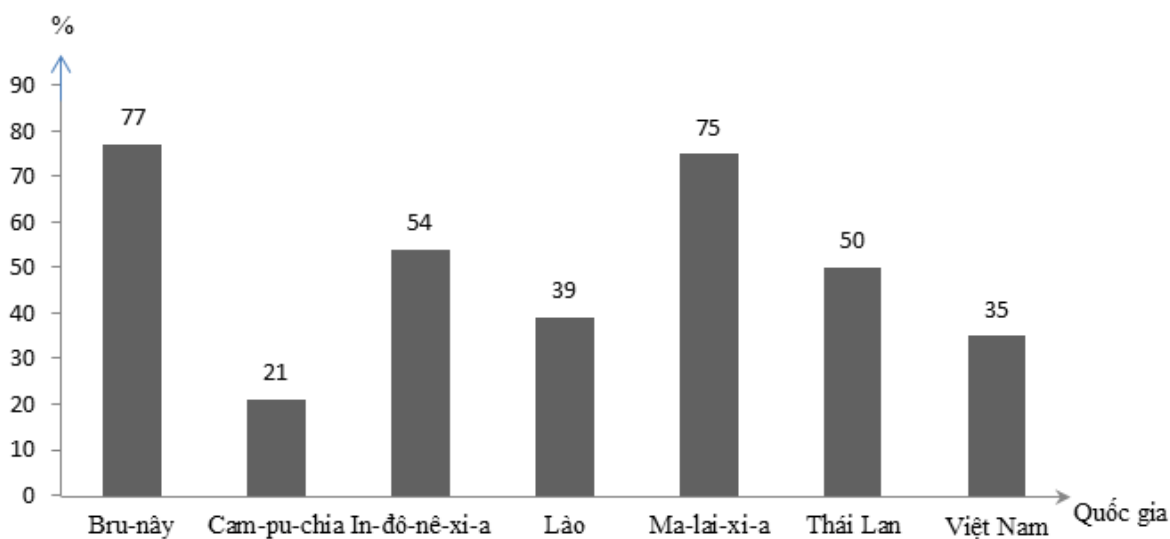
**Tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2000 - 2014**



Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2000 - 2014 ?

- A. Dầu thô luôn có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.
- B. Điện tăng 429,4% và tăng nhanh nhất từ 2007 đến 2014.
- C. Dầu thô tăng 6,8% và tăng trưởng không ổn định.
- D. Than tăng 353,9% và tăng nhanh nhất từ 2000 đến 2007.

**Câu 80:** Cho biểu đồ về đô thị hóa của một số quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á năm 2015:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Dân số thành thị trong tổng số dân của một số quốc gia.
- B. Cơ cấu dân số trong tổng số dân của một số quốc gia.
- C. Tỷ lệ dân số thành thị trong tổng số dân của một số quốc gia.
- D. Tốc độ tăng dân số thành thị của một số quốc gia.

**HẾT**

- Thí sinh được sử dụng *Atlas Địa lí Việt Nam* do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành trong khi làm bài thi.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.